TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 434/2023/DS-PT
Ngày: 28 - 12 - 2023
V/v Hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Các Thẩm phán: Ông Ninh Quang Thế

Ông Dương Hùng Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Thũy - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 474/2023/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 215/2023/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 317/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm: 1986 (Có mặt)

Nơi cư trú: Khóm 3, phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N: Luật sư Đặng Minh H thuộc Đoàn luật sư tỉnh cà Mau.

- *Bị đơn:*

1. Ông Phạm Hoàng A, sinh năm: 1979 (Có mặt)

2. Bà Lê Thị Bình M, sinh năm: 1984 (Có mặt)

Cùng nơi cư trú: Hẻm 450, nhà không số, đường Nguyễn Trãi, khóm 6, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/5/2023 và lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa như sau:

Từ ngày 15/8/2019 đến ngày 20/11/2019 âm lịch, bà có tổ chức chơi hụi do

bà làm chủ hụi, bà Lê Thị Bình M là hụi viên. Bà M tham gia 07 dây hụi khác nhau và còn nợ bà số tiền 273.000.000 đồng, bà M còn nợ tiền hụi cũ trước đây chưa đóng là 16.150.000 đồng cụ thể như sau:

Dây hụi thứ nhất: Khui ngày 15/8/2019 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần vào ngày 15 hàng tháng, gồm 32 chưng, bà M tham gia 02 chưng, đến ngày 15/11/2019 bà M bỏ 360.000 đồng và hốt chưng hụi thứ nhất. Sau khi trừ tiền cò bà chung cho bà M số tiền 30.320.000 đồng. Đến ngày 15/01/2020 bà M bỏ 350.000 đồng hốt chưng hụi còn lại, sau khi trừ tiền cò bà chung cho bà M số tiền 21.300.000 đồng. Quá trình chơi hụi bà M đóng được 17 lần hụi chết, bà M còn nợ bà 15 lần hụi số tiền: 1.000.000 đồng x 15 kỳ x 02 chưng = 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Dây hụi thứ hai: Khui ngày 07/10/2019 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần vào ngày 07 hàng tháng, gồm 22 chưng, bà M tham gia 01 chưng, đến ngày 07/10/2019 bà M bỏ 630.000 đồng và hốt hụi, sau khi trừ tiền cò bà chung cho bà M số tiền 27.770.000 đồng. Quá trình chơi hụi bà M đóng được 15 lần hụi chết, bà M còn nợ bà 07 lần hụi số tiền: 2.000.000đồng x 07 kỳ = 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng).

Dây hụi thứ ba: Khui ngày 01/02/2020 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, nữa tháng khui một lần vào các ngày 01, 15 hàng tháng, gồm 30 chưng, bà M tham gia 02 chưng, ngày 01/02/2020 bà M bỏ 300.000 đồng và hốt chưng hụi thứ nhất. Sau khi trừ tiền cò bà chung cho bà M số tiền 19.800.000 đồng. Đến ngày 15/3/2020 bà M bỏ 300.000 đồng hốt chưng hụi còn lại, sau khi trừ tiền cò bà chung cho bà M số tiền 20.700.000 đồng. Quá trình chơi hụi bà M đóng được 22 lần hụi chết, bà M còn nợ bà 08 lần hụi số tiền: 1.000.000 đồng x 08 kỳ X 02 chưng = 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).

Dây hụi thứ tư: Khui ngày 19/5/2020 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần vào ngày 19 hàng tháng, gồm 24 chưng, bà M tham gia 03 chưng, đến ngày 19/7/2020 bà M bỏ 600.000 đồng và hốt chưng hụi thứ nhất. Sau khi trừ tiền cò bà chung cho bà M số tiền 32.200.000 đồng. Đến ngày 19/8/2020 bà M bỏ 620.000 đồng hốt chưng hụi thứ hai, sau khi trừ tiền cò bà chung cho bà M số tiền 32.400.000 đồng. Đến ngày 09/10/2020 bà M bỏ 700.000 đồng hốt chưng hụi còn lại, sau khi trừ tiền cò bà chung cho bà M số tiền 32.200.000 đồng. Quá trình chơi hụi bà M đóng được 07 lần hụi chết, bà M còn nợ bà 17 lần hụi số tiền: 2.000.000 đồng x 17 kỳ x 03 chưng = 102.000.000 đồng (Một trăm lẻ hai triệu đồng).

Dây hụi thứ năm: Khui ngày 25/6/2020 âm lịch, loại hụi 500.000 đồng, nữa tháng khui một lần vào các ngày 25, 10 hàng tháng, gồm 40 chưng, bà M tham gia 03 chưng, đến ngày 25/6/2020 bà M bỏ 170.000 đồng và hốt chưng hụi thứ nhất. Sau khi trừ tiền cò bà chung cho bà M số tiền 12.570.000 đồng. Đến ngày 10/9/2020 bà M bỏ 200.000 đồng hốt chưng hụi thứ hai, sau khi trừ tiền cò bà chung cho bà M số tiền 12.400.000 đồng. Đến ngày 10/9/2021 bà M bỏ 160.000 đồng hốt chưng hụi còn lại, sau khi trừ tiền cò bà chung cho bà M số tiền 17.440.000 đồng. Quá trình chơi hụi bà M đóng được 10 lần hụi chết, bà M còn nợ

bà 30 lần hụi số tiền: 500.000 đồng x 30 kỳ x 03 chưng = 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Dây hụi thứ sáu: Khui ngày 10/7/2020 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần vào ngày 10 hàng tháng, gồm 23 chưng, bà M tham gia 01 chưng, ngày 10/7/2020 bà M bỏ 600.000 đồng và hốt chưng hụi đầu. Sau khi trừ tiền cò bà chung cho bà M số tiền 29.600.000 đồng. Quá trình chơi hụi bà M đóng được 09 lần hụi chết, bà M còn nợ bà 14 lần hụi số tiền: 2.000.000 đồng x 14 kỳ = 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng).

Dây hụi thứ bảy: Khui ngày 20/11/2020 âm lịch, loại hụi 500.000 đồng, nữa tháng khui một lần vào các ngày 20, 05 hàng tháng, gồm 40 chưng, bà M tham gia 02 chưng, ngày 20/11/2020 bà M bỏ 190.000 đồng và hốt chưng hụi thứ nhất. Sau khi trừ tiền cò bà chung cho bà M số tiền 11.790.000 đồng. Đến ngày 20/12/2020 bà M bỏ 160.000 đồng hốt chưng hụi còn lại, sau khi trừ tiền cò bà chung cho bà M số tiền 13.120.000 đồng. Quá trình chơi hụi bà M đóng được 02 lần hụi chết, bà M còn nợ bà 38 lần hụi số tiền: 500.000 đồng x 38 kỳ x 02 chưng = 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng).

Tổng cộng tiền hụi bà M nợ bà là 289.150.000 đồng, tất cả các dây hụi nêu trên đều đã mãn. Do lâu ngày nên bà không nhớ chính xác ngày hụi mãn.

Ngày 08/7/2019 âm lịch bà cho bà M vay số tiền 20.000.000 đồng, đến ngày 17/4/2020 bà cho bà M vay số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 21/6/2020 bà cho bà M vay số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 01/11/2020 bà cho bà M vay số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 11/11/2020 bà cho bà M vay số tiền 15.000.000 đồng và ngày 08/7/2020 bà cho bà M vay số tiền 10.000.000 đồng. Tổng số tiền bà cho bà M vay là 75.000.000 đồng. Khi vay các bên có thỏa thuận lãi suất 7%/tháng và có làm biên nhận cho mỗi lần nhận tiền vay. Quá trình vay bà M đã trả được 10.000.000 đồng tiền vốn, 20.000.000 đồng tiền lãi (bà M trả nhiều lần cộng dần lại chứ không phải trả một lần), rồi ngưng không thanh toán cho bà đến nay. Tổng tiền vốn bà M còn nợ bà là 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng).

Tổng số tiền nợ hụi và nợ vay là 354.150.000 đồng. Bà có gặp bà M để đòi nợ nhiều lần nhưng bà M không trả đúng theo thỏa thuận. Ngày 17/5/2022 bà với bà M có thỏa thuận và kết nợ với nhau có sự chứng kiến và ký xác nhận của ông Võ Hoàng Chiến Trưởng ban nhân dân khóm 6, phường 9, thành phố Cà Mau. Tại trụ sở Ban nhân dân khóm 6 bà M đã ghi tờ cam kết và thừa nhận còn nợ bà tổng số tiền 337.930.000 đồng. Sau ngày bà M viết biên nhận cam kết trả nợ đến nay bà M có trả cho bà 03 lần, mỗi lần 2.000.000 đồng và một lần trả 16.220.000 đồng. Nay bà yêu cầu Toà án buộc bà Lê Thị Bình M, ông Phạm Hoàng A trả cho bà tổng số tiền hụi và vay là 331.930.000 đồng (Ba trăm ba mươi mốt triệu, chín trăm ba mươi nghìn đồng).

Quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa bà Lê Thị Bình M trình bày: Trước đây bà có chơi nhiều dây hụi do bà N làm chủ và mượn tiền bà N nhiều lần đến nay còn nợ bà N tổng số tiền như bà N trình bày là đúng. Khi bà chơi hụi và mượn nợ ông Hoàng A không hay biết, vì ông Hoàng A là công an nên không cho bà chơi hụi nên bà giấu mọi chuyện không cho ông Hoàng A.

Ngày 17/5/2022 bà với bà N có kết nợ với nhau. Bà đã ghi tờ cam kết và thừa nhận còn nợ bà N tổng số tiền 337.930.000 đồng. Sau ngày bà M viết biên nhận cam kết trả nợ đến nay bà có trả cho bà N 03 lần, mỗi lần 2.000.000 đồng và một lần trả 17.220.000đ ồng. Nay bà N yêu cầu bà và ông Phạm Hoàng A thanh toán cho bà M tổng số tiền hụi và vay là 331.930.000 đồng (Ba trăm ba mươi mốt triệu, chín trăm ba mươi nghìn đồng) bà đồng ý thanh toán toàn bộ cho bà N. Còn ông Hoàng Anh với bà hiện đã ly hôn từ năm 2021. Khi ly hôn bà và ông Hoàng Anh xác định không có nợ chung. Còn nợ bà N là nợ riêng của cá nhân bà không liên quan đến ông Hoàng A. Tháng 11/2020 bà bị bể nợ ông Hoàng Anh có gọi điện mời các chủ nợ lại nhà để bà và các chủ nợ thỏa thuận phương án trả nợ chứ ông Hoàng A không có hứa hẹn sẽ trả tiền cho các chủ nợ thay bà.

Quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Hoàng A trình bày:

Ông và bà Lê Thị Bình M chung sống với nhau vào năm 2004, đến năm 2021 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông, bà bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng cự cải thường xuyên nên ông đã nộp đơn xin ly hôn bà M tại Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau yêu cầu giải quyết cho ông ly hôn với bà M. Ngày 18/02/2021 Tòa án ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 41/2021/QĐST-HNGĐ. Việc bà M tham gia chơi hụi cũng như nợ bà N ông không biết.

Ông xác định từ trước đến nay ông không có trao đổi hay thương lượng chuyện tiền bạc gì với bà N. Ông yêu cầu bà N cung cấp chứng cứ chứng minh ông có nợ bà N như: Biên nhận hay giấy tờ gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 215/2023/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 và Điều 470, 471 của Bộ luật Dân sự. Căn cứ vào các Điều 143, 147, 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Căn cứ Điều 16, Điều 17, Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 24, Điều 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường. Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ N.

Buộc bà Lê Thị Bình M, ông Phạm Hoàng A có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Mỹ N tổng số tiền là: 330.930.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu, chín trăm ba chục nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Mỹ N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Thị Bình M, ông Phạm Hoàng A không thi hành xong khoản tiền trên, thì còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22/9/2023 ông Phạm Hoàng A kháng cáo với nội dung yêu cầu sửa

bản án sơ thẩm theo hướng không buộc ông Phạm Hoàng A có nghĩa vụ cùng với bà Lê Thị Bình M thanh toán cho bà N tổng số tiền là 330.930.000 đồng vì đó là nợ riêng của bà M, ông Hoàng A không biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Anh.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên toà ông Hoàng A vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo với căn cứ là ông không tham chơi hụi không vay nợ, việc vợ ông tham gia hụi và vay nợ của bà N ông không biết. Bà M thiếu nợ là dùng vào mục đích chi tiêu cá nhân.

[2] Xét quá trình chung sống với bà M thì ông Hoàng A biết việc bà M tham gia chơi hụi, bà M cũng thừa nhận ông Hoàng A có mời các chủ hụi đến nhà thoả thuận thanh toán nợ thời điểm năm 2020. Giữa ông Hoàng A và bà M thoả thuận thuận tình ly hôn, Toà án công nhận thuận tình ly hôn vào ngày 18/02/2021 có ghi nhận không nợ ai. Trước ngày 18/02/2021 thì ông Hoàng A và bà M đã gặp chủ nợ tại nhà để thoả thuận giải quyết nợ, bà M thừa nhận tại phiên toà sơ thẩm (BL 67).

Tại phiên toà phúc thẩm, ông Hoàng Anh thừa nhận trước khi ly hôn thì ông giao tất cả các thu nhập cho bà M quản lý chi tiêu. Quá trình sống chung ông A không biết bà M sử dụng số tiền ông giao như thế nào. Tại phiên toà lúc thì bà M trình bày sử dụng tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất, lúc thì sử dụng tiền mua số đề, lời khai nhận của bà M không thống nhất với nhau. Do vậy việc bà M sử dụng nguồn tiền tham gia hụi trong quá trình chung sống với ông Hoàng Anh thì ông Hoàng Anh phải chịu trách nhiệm. Ông A và bà M không chứng minh được bà M chi tiêu cá nhân như thế nào nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Anh.

[3] Xét đối với kháng cáo về việc xét xử vắng mặt ông Hoàng A tại cấp sơ thẩm ông không biết. Theo biên bản tống đạt của Toà án tại BL 52, 65 thể hiện ông Hoàng Anh từ chối không nhận văn bản tố tụng do xác định không liên quan đến vụ án nên việc kháng cáo của ông Hoàng A về vấn đề không triệu tập ông tham gia phiên toà là không có căn cứ.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Hoàng Anh phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Hoàng A.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 215/2023/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ N.

Buộc bà Lê Thị Bình M, ông Phạm Hoàng A có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Mỹ N tổng số tiền là: 330.930.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu, chín trăm ba chục nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Mỹ N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Thị Bình M, ông Phạm Hoàng A không thi hành xong khoản tiền trên, thì còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị Bình M, ông Phạm Hoàng A phải nộp số tiền 16.546.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Hoàng A phải chịu 300.000 đồng. Đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008302 ngày 25/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Các Quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Thị Hải Hà

***Nơi nhận*:**
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;*
- *Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;;*
- *Viện kiểm sát nhân dân TP Cà Mau;*
- *Chi cục THADS thành phố Cà Mau;;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn.*

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ninh Quang Thế - Dương Hùng Quang **Hoàng Thị Hải Hà**

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Hải Hà